

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHÓ BIÊN GIÁO
DỤC PHÁP LUẬT

TÓM TẮT

Số: 17

Ngày 07/5/2018

Bản tin hàng tuần
Ra ngày thứ hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

1. Báo cáo thống kê năm được tính bắt đầu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

2. Cán bộ, viên chức làm tại bộ phận Một cửa không được cửa quyền, sách nhiễu, gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

3. Nhiều đối tượng phải làm thủ tục hải quan.

4. Cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ tối

đa 90% phí bảo hiểm nông nghiệp.

5. Quy định các mức hao phí tối đa trong sản xuất chương trình truyền hình.

6. Nhiều trường hợp xem xét miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời và chính thức.

7. Toa xe khách phải có thiết bị chữa cháy.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt?

2. Hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt?

3. Hành khách có những quyền gì khi đi tàu?

4. Khi tham gia giao thông đường sắt hành khách có những nghĩa vụ gì?

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. BÁO CÁO THỐNG NĂM ĐƯỢC TÍNH TỪ 01/01 ĐẾN HẾT NGÀY 31/12.

Chính phủ vừa ban hành Nghị định 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

Theo đó, kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch, bao gồm: Báo cáo thống kê tháng được tính bắt đầu từ ngày 01 đầu tháng đến hết ngày cuối cùng của tháng; Báo cáo thống kê 06 tháng được tính bắt đầu từ ngày 01/01 cho đến hết ngày 30/6; Báo cáo thống kê năm được tính bắt đầu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12.

Riêng báo cáo thống kê áp dụng với ngành Giáo dục, báo cáo năm được tính theo năm học. Ngoài ra còn có báo cáo đột xuất thống kê khi có hiện tượng, sự việc đột xuất xảy ra.

Các báo cáo thống kê được thực hiện bằng 02 hình thức: Bằng giấy (văn bản) và qua hệ thống phần mềm chế độ báo cáo điện tử. Báo cáo bằng văn bản phải có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng đơn vị để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu.

Nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia gồm danh mục biểu mẫu báo cáo, biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo áp dụng đối với từng bộ, ngành ban hành kèm theo Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/6/2018.

2. CÁN BỘ, VIÊN CHỨC LÀM TẠI BỘ PHẬN MỘT CỬA KHÔNG ĐƯỢC CỬA QUYỀN, SÁCH NHIỀU, GÂY KHÓ

KHẨN CHO TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH.

Ngày 23/4/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số: 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức được giao nhiệm vụ hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại trụ sở Bộ phận Một cửa và tại cơ quan có thẩm quyền không được thực hiện các hành vi cửa quyền, sách nhiễu, gây phiền hà, khó khăn cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính; cản trở hoặc ngăn chặn trái phép quá trình truyền, gửi, nhận dữ liệu điện tử; thay đổi, xóa, hủy, giả mạo, sao chép, di chuyển trái phép một phần hoặc toàn bộ nội dung dữ liệu thực hiện thủ tục hành chính; tiết lộ thông tin về hồ sơ, tài liệu và các thông tin liên quan đến bí mật của tổ chức, cá nhân hoặc sử dụng thông tin đó để trục lợi.

Cán bộ, công chức, viên chức không được từ chối thực hiện, kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính hoặc tự ý yêu cầu bổ sung hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; trực tiếp giao dịch, yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không thông qua Bộ phận Một cửa, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đùn đẩy trách nhiệm, thiếu hợp tác, thiếu công bằng, không khách quan, không đúng pháp luật trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính; ứng xử, giao

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

tiếp không phù hợp với quy chế văn hóa công sở; các hành vi vi phạm pháp luật khác trong thực hiện công vụ.

Bộ phận Một cửa có nhiệm vụ công khai đầy đủ, kịp thời bằng phương tiện điện tử hoặc bằng văn bản danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tại Bộ phận Một cửa; các nội dung thủ tục hành chính được công khai theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định này; hỗ trợ những trường hợp không có khả năng tiếp cận thủ tục hành chính được công khai bằng phương tiện điện tử; hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính; tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính; giải quyết hoặc chuyển hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân...

Khi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính, đối với hồ sơ được nhận trực tiếp tại Bộ phận Một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa phải xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; quét (scan) và lưu trữ hồ sơ điện tử, cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của bộ, ngành, địa phương.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn đại diện tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo

quy định. Trường hợp từ chối nhận hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ phải nêu rõ lý do theo mẫu Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; Trường hợp hồ sơ đầy đủ, chính xác theo quy định, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ và lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.

Ngay sau khi tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền: chuyển dữ liệu hồ sơ điện tử được tiếp nhận trực tuyến của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thông qua kết nối giữa Công Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh; chuyển ngay hồ sơ tiếp nhận trực tiếp trong ngày làm việc hoặc chuyển vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày; trường hợp tiếp nhận hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan có thẩm quyền khác, cán bộ, công chức, viên chức tiếp nhận chuyển hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử cho Bộ phận Một cửa của cơ quan có thẩm quyền đó trong ngày làm việc hoặc đầu giờ ngày làm việc tiếp theo đối với trường hợp tiếp nhận sau 15 giờ hàng ngày để xử lý theo quy định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 6 năm 2018.

3. NHIỀU ĐỐI TƯỢNG PHẢI LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN.

Ngày 20/4/2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 59/2018/NĐ-CP sửa

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

Theo đó, những đối tượng sau phải làm thủ tục hải quan: hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt, công cụ chuyển nhượng, vàng, kim loại quý, đá quý, sản phẩm văn hóa, di vật, cổ vật, bảo vật, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu; hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh; các vật phẩm khác xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trong địa bàn hoạt động của cơ quan hải quan; phương tiện vận tải đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển, đường thủy nội địa, đường sông xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

Việc kiểm tra, xác định trị giá hải quan căn cứ trên hồ sơ hải quan, các chứng từ tài liệu có liên quan, thực tế hàng hóa. Trường hợp đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo, đề nghị người khai hải quan thực hiện khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo và giải phóng hàng theo quy định. Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định.

Trường hợp nghi vấn về trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông báo cơ sở nghi vấn, mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định và giải phóng hàng hóa theo quy định, người khai hải quan thực hiện tham vấn với cơ quan hải quan nhằm làm rõ về tính chính xác của trị giá khai báo.

Trường hợp người khai hải quan đồng ý với mức giá, phương pháp do cơ quan hải quan dự kiến xác định thì thực hiện khai bổ sung theo quy định trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày đến cơ quan hải quan thực hiện tham vấn, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Trường hợp người khai hải quan không khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định.

Trường hợp bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan đề nghị người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tham vấn. Nếu người khai hải quan khai bổ sung trong thời hạn nêu trên thì cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo quy định. Quá thời hạn mà người khai hải quan không khai bổ sung thì cơ quan hải quan thực hiện xác định trị giá, ấn định thuế theo quy định của Luật quản lý thuế để thông quan hàng hóa theo quy định. Trường hợp chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo, cơ quan hải quan thông quan hàng hóa theo trị giá khai báo.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 6 năm 2018.

4. CÁ NHÂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THUỘC HỘ NGHÈO ĐƯỢC HỖ TRỢ TỐI ĐA 90% PHÍ BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Đó là nội dung được quy định tại Nghị định số 58/2018/NĐ-CP, ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp.

Theo đó các đối tượng bảo hiểm được hỗ trợ gồm: cây trồng (lúa, cao su, hồ tiêu, điều, cà phê, cây ăn quả, rau); vật nuôi (trâu, bò, lợn, gia cầm); nuôi trồng thủy sản: (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra).

Mức hỗ trợ đối với cá nhân sản xuất nông nghiệp thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo hỗ trợ tối đa 90% phí bảo hiểm nông nghiệp; cá nhân sản xuất nông nghiệp không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo hỗ trợ tối đa 20% phí bảo hiểm nông nghiệp; tổ chức sản xuất nông nghiệp theo mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn có ứng dụng khoa học công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường hỗ trợ tối đa 20% phí bảo hiểm nông nghiệp.

Những rủi ro được bảo hiểm được hỗ trợ gồm rủi ro thiên tai như:

bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần. Thiên tai phải được công bố hoặc xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Nghị định cũng nêu rõ rủi ro dịch bệnh, bao gồm: các bệnh truyền nhiễm của động vật trên cạn và các bệnh của động vật thủy sản theo danh mục bệnh phải công bố dịch do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật thú y; sinh vật gây hại thực vật có nguy cơ lây lan nhanh trên diện rộng, gây hại nghiêm trọng đối với thực vật theo quy định của pháp luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp được bảo đảm từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm. Mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp thực hiện theo quy định về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/6/2018.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

5. QUY ĐỊNH CÁC MỨC HAO PHÍ TỐI ĐA TRONG SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH.

Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tại Thông tư 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018.

Định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất chương trình truyền hình ban hành kèm theo Thông tư này quy định các mức hao phí tối đa trực tiếp trong sản xuất chương trình truyền hình, bao gồm: hao phí về nhân công; hao phí về máy móc thiết bị; hao phí về vật liệu sử dụng trong sản xuất chương trình truyền hình, đảm bảo chương trình đủ điều kiện phát sóng hoặc đăng tải lên mạng Internet theo quy định của pháp luật về báo chí.

Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất Chương trình truyền hình ban hành kèm theo Thông tư này là định mức tối đa (không bao gồm hao phí trong hoạt động truyền dẫn, phát sóng truyền hình) áp dụng để quản lý sản xuất chương trình truyền hình trong phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước do cấp có thẩm quyền ở Trung ương ban hành. Các Bộ, cơ quan Trung ương, các địa phương sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động sản xuất chương trình truyền hình quy định áp dụng cụ thể định mức phù hợp với lĩnh vực, địa bàn sản xuất nhưng không được vượt quá định mức.

Các cơ quan báo hình căn cứ Thông tư này để áp dụng định mức phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất

Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

truyền hình tại cơ quan mình. Đối với các chương trình có thời lượng sản xuất thực tế (không bao gồm thời lượng quảng cáo, nếu có) có sai số tăng, giảm không quá 3% (nhưng không quá 30 giây đối với chương trình có thời lượng từ 10 phút trở lên) so với thời lượng của định mức thì được áp dụng theo định mức cụ thể do cơ quan có thẩm quyền đã quy định.

Trường hợp sản xuất các Chương trình truyền hình có khai thác lại tư liệu, kế thừa nội dung Chương trình truyền hình đã có (chia thành các trường hợp thời lượng kế thừa: đến 30%, trên 30% đến 50%, trên 50% đến 70%, trên 70%) đơn vị sản xuất căn cứ thực tế sản xuất để áp dụng định mức phù hợp.

Các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình truyền hình bao gồm: các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để tổ chức sản xuất chương trình truyền hình; các cơ quan báo chí được cấp phép hoạt động truyền hình; các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến sản xuất chương trình truyền hình sử dụng ngân sách nhà nước.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/7/2018.

6. NHIỀU TRƯỜNG HỢP XEM XÉT MIỄN TRỪ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI TẠM THỜI VÀ CHÍNH THỨC

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành Thông tư số 06/2018/TT-BCT, ngày 20/4/2018 quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại.

Theo đó, Bộ trưởng Bộ Công thương xem xét miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại tạm thời, biện pháp phòng vệ thương mại chính thức đối với một số hàng hóa nhập khẩu bị áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại thuộc một trong các trường hợp sau: hàng hóa nhập khẩu có đặc điểm khác biệt với hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước mà hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất bởi ngành sản xuất trong nước đó không thể thay thế được; hàng hóa nhập khẩu là sản phẩm đặc biệt của hàng hóa tương tự hoặc hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước; hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp được sản xuất trong nước không được bán trên thị trường trong nước trong cùng điều kiện thông thường; khối lượng hàng hóa tương tự, hàng hóa cạnh tranh trực tiếp sản xuất trong nước không đủ đáp ứng nhu cầu trong nước.

Sau khi Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành quyết định tiến hành điều tra hoặc rà soát vụ việc phòng vệ thương mại, các tổ chức, cá nhân theo quy định có quyền đăng ký tham gia vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại với tư cách là bên liên quan. Cơ quan điều tra xem xét quy định thời hạn đăng ký

bên liên quan trong từng vụ việc điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại nhưng không ít hơn 20 ngày làm việc kể từ ngày có hiệu lực của quyết định tiến hành điều tra hoặc rà soát vụ việc phòng vệ thương mại. Sau khi nhận được đơn đăng ký bên liên quan, cơ quan điều tra có trách nhiệm xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận tổ chức, cá nhân là bên liên quan của vụ việc trong thời hạn 07 ngày làm việc. Trong trường hợp không chấp thuận tổ chức, cá nhân là bên liên quan, cơ quan điều tra nêu rõ lý do. Trong trường hợp tổ chức, cá nhân không đăng ký tham gia bên liên quan trong thời hạn, cơ quan điều tra có quyền không chấp thuận các tổ chức, cá nhân đó là bên liên quan của vụ việc.

Đối tượng đề nghị miễn trừ áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại bao gồm: tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa bị điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại; tổ chức, cá nhân sử dụng hàng hóa bị điều tra, áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại để sản xuất; các tổ chức, cá nhân khác do Bộ trưởng Bộ Công thương quyết định.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2018.

7. TOA XE KHÁCH PHẢI CÓ THIẾT BỊ CHỮA CHÁY.

Ngày 26/4/2018, Bộ Giao thông Vận tải đã ban hành Thông tư 20/2018/TT-BGTVT quy định về thông tin, chỉ dẫn, trang thiết bị phục

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

vụ khách hàng, thiết bị an toàn trên phương tiện giao thông đường sắt.

Theo Thông tư này, trên toa xe khách phải trang bị tối thiểu các thiết bị: dụng cụ thoát hiểm; thiết bị, dụng cụ và vật liệu chữa cháy; các trang bị phục vụ hành khách như điện, nước, thiết bị chiếu sáng, thiết bị làm mát, thông gió, thiết bị vệ sinh.

Trên đoàn tàu khách, tàu hỗn hợp phải được trang bị tủ thuốc, dụng cụ sơ cứu, dụng cụ và vật liệu để sửa chữa đơn giản; thiết bị cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

Thông tư cũng chỉ rõ, bên ngoài toa xe khách phải có biển số thứ tự của toa xe, biển số này phải trùng số thứ tự của biển số trong toa xe; Bên trong toa xe phải có biển số thứ tự của toa xe, số chỗ để chỉ dẫn khách hàng, bảng thông tin bằng chữ viết hoặc điện tử và hệ thống truyền thanh. Các ký hiệu, thông tin, chỉ dẫn phải rõ ràng, dễ hiểu...

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/7/2018.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO LUẬT PHÒNG, CHỐNG TÁC HẠI CỦA RƯỢU, BIA.

Quốc hội đang tổ chức lấy ý kiến vào Dự thảo Luật phòng chống tác hại của rượu, bia.

Theo đó, các trường hợp sau không được uống rượu, bia: cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong thời gian làm việc, thời gian nghỉ giữa các ca trong ngày làm việc; người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới khi tham gia giao thông; người dưới 18 tuổi.

Nghiêm cấm khuyến mại rượu, bia trực tiếp cho người tiêu dùng; dùng rượu, bia làm giải thưởng cho các cuộc thi; cung cấp rượu, bia miễn phí. Nghiêm cấm quảng cáo, giới thiệu sản phẩm dưới mọi hình thức, trên tất cả các phương tiện quảng cáo đối với rượu, bia từ 15 độ trở lên; quảng cáo bia, rượu dưới 15 độ trên phương tiện giao thông, công trình Bản tin Tóm tắt văn bản pháp luật mới

giao thông, phương tiện quảng cáo ngoài trời, chương trình, kênh truyền hình, phim và ấn phẩm khác có đối tượng trẻ em, trên mạng xã hội, trang thông tin điện tử trừ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh rượu, bia. Quảng cáo bia, rượu dưới 15 độ trên báo hình, báo nói chỉ được thực hiện từ sau 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau; hạn chế hình ảnh uống rượu, bia trong các sản phẩm điện ảnh, truyền hình.

Không được bán rượu, bia tại cơ sở y tế; cơ sở giáo dục; cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, vui chơi, giải trí dành cho trẻ em; nơi làm việc của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; trạm dừng nghỉ trên đường quốc lộ, tỉnh lộ. Không được bán rượu, bia bằng máy bán tự động. Không được bán rượu, bia cho người dưới 18 tuổi, người đã có biểu hiện say rượu, bia.

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

Nghiêm cấm sử dụng cồn không phải cồn thực phẩm, cồn, men không bảo đảm chất lượng để sản xuất, pha chế rượu; sản xuất, pha chế rượu có bổ sung các thực vật, động vật, thảo dược và các chất khác không có nguồn gốc xuất xứ, không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật. Bộ Y tế quy định việc sử dụng chất chỉ thị màu trong cồn công nghiệp (methanol) để phòng ngừa pha chế rượu từ cồn công nghiệp. Rượu, bia không bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định, rượu, bia giả, nhập lậu đều bị tịch thu và xử lý theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ phối hợp, tham gia

với cơ quan có thẩm quyền trong công tác phòng, chống rượu, bia giả, nhập lậu và gian lận thương mại.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống tác hại của rượu, bia thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật; cá nhân vi phạm có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Việc xử lý vi phạm hành chính về phòng, chống tác hại của rượu, bia được thực hiện theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt?

*** Trả lời:** Điều 9, Luật Đường sắt số 06/2017/QH14, ngày 16/6/2017 quy định các hành vi sau đây bị nghiêm cấm trong hoạt động đường sắt:

1. Phá hoại công trình đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt.

2. Lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt.

3. Tự mở lối đi qua đường sắt; xây dựng trái phép cầu vượt, hầm chui, cống hoặc công trình khác trong phạm vi đất dành cho đường sắt; khoan, đào trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt.

4. Làm sai lệch công trình, hệ thống báo hiệu trên đường sắt; làm che lấp hoặc làm sai lạc tín hiệu giao thông đường sắt.

5. Ngăn cản việc chạy tàu, tùy tiện báo hiệu hoặc sử dụng các thiết bị để dừng tàu, trừ trường hợp phát hiện có sự cố gây mất an toàn giao thông đường sắt.

6. Vượt rào, vượt chắn đường ngang, vượt qua đường ngang khi có tín hiệu cấm; vượt rào ngăn giữa đường sắt với khu vực xung quanh.

7. Xả chất thải không bảo đảm vệ sinh môi trường lên đường sắt; để vật chướng ngại, đổ chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt; để chất dễ cháy, chất dễ nổ trong phạm vi bảo vệ

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

8. Chặn thả súc vật, hạp chợ trên đường sắt, trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

9. Đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hành vi khác trên nóc toa xe, đầu máy, bậc lên xuống toa xe; đu bám, đứng, ngồi hai bên thành toa xe, đầu máy, nơi nối giữa các toa xe, đầu máy; mở cửa lên, xuống tàu, đưa đầu, tay, chân và vật khác ra ngoài thành toa xe khi tàu đang chạy, trừ nhân viên đường sắt, lực lượng chức năng đang thi hành nhiệm vụ.

10. Đi, đứng, nằm, ngồi hoặc hành vi khác trên đường sắt, trừ nhân viên đường sắt, lực lượng chức năng đang thi hành nhiệm vụ.

11. Ném đất, đá hoặc vật khác lên tàu hoặc từ trên tàu xuống.

12. Mang, vận chuyển hàng hóa cấm lưu thông, động vật có dịch bệnh vào ga, lên tàu; mang, vận chuyển trái phép động vật hoang dã, chất phóng xạ, chất dễ cháy, chất dễ nổ và hàng nguy hiểm khác vào ga, lên tàu; mang, vận chuyển thi hài, hài cốt vào ga, lên tàu đường sắt đô thị.

13. Làm, tiêu thụ vé giả; bán vé trái quy định.

14. Đưa phương tiện giao thông đường sắt, trang thiết bị không bảo đảm an toàn kỹ thuật vào hoạt động phục vụ giao thông đường sắt; sử dụng toa xe chở hàng để vận chuyển hành khách; tự ý thay đổi kết cấu,

hình dáng, tính năng sử dụng của phương tiện giao thông đường sắt; giao hoặc để cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường sắt.

15. Nổi vào tàu khách các toa xe vận tải động vật, hàng hoá có mùi hôi thối, chất dễ cháy, chất dễ nổ, chất độc hại và hàng nguy hiểm khác.

16. Điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định.

17. Nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu trong khi làm nhiệm vụ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn hoặc có chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng.

2. Hỏi: *Hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt?*

*** Trả lời:** Điều 40, Luật Đường sắt số 06/2017/QH14, ngày 16/6/2017 quy định các hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt bao gồm:

1. Bảo đảm an toàn về người, phương tiện, tài sản của tổ chức, cá nhân trong hoạt động giao thông vận tải đường sắt;

2. Bảo đảm điều hành tập trung, thống nhất hoạt động giao thông vận tải trên đường sắt;

3. Phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh chống hành vi phá hoại công trình đường sắt và các hành vi vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt;

4. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn giao thông trên đường sắt và

Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

tại điểm giao cắt đồng mức giữa đường sắt và đường bộ.

5. Tổ chức, cá nhân phải chấp hành quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt.

6. Hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt phải được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật.

7. Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giao thông vận tải đường sắt có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt. Lực lượng Công an và chính quyền địa phương các cấp nơi có đường sắt đi qua, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phối hợp trong hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vận tải đường sắt.

3. Hỏi: *Hành khách có những quyền gì khi đi tàu?*

*** Trả lời:** Khoản 1, điều 60, Luật Đường sắt số 06/2017/QH14, ngày 16/6/2017 quy định hành khách khi đi tàu có các quyền sau đây:

1. Được hưởng mọi quyền lợi theo đúng hạng vé và không phải trả tiền vận chuyển đối với hành lý mang theo người trong phạm vi khối lượng và chủng loại theo quy định của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt;

2. Trả lại vé, đổi vé trước giờ tàu chạy và chịu các khoản chi phí

(nếu có) theo quy định của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt;

3. Được hoàn trả tiền vé, bồi thường thiệt hại và các chi phí phát sinh khi bị thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản do lỗi của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt theo quy định của pháp luật;

4. Được bảo hiểm về tính mạng, sức khỏe theo quy định của pháp luật;

5. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Hỏi: *Khi tham gia giao thông đường sắt hành khách có những nghĩa vụ gì?*

*** Trả lời:** Khoản 2, điều 60, Luật Đường sắt số 06/2017/QH14, ngày 16/6/2017 quy định hành khách khi đi tàu có các nghĩa vụ sau đây:

1. Phải có vé hành khách, vé hành lý và tự bảo quản hành lý mang theo người;

2. Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng, mất mát tài sản của doanh nghiệp kinh doanh vận tải đường sắt;

3. Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy đi tàu và quy định khác của pháp luật có liên quan.